

Số: 28 /2018/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 24 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động
của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Ninh Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Thông tư số 42/2014/TT-BTC ngày 08 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính về ban hành Điều lệ mẫu áp dụng cho các Quỹ Đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 51/2017/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận về chuyển đổi mô hình hoạt động của Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa từ phương thức trực tiếp tổ chức điều hành hoạt động sang phương thức ủy thác cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 891/TTr-SNV ngày 30 tháng 3 năm 2018, Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 725/STC-TCDN ngày 28 tháng 3 năm 2018, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh tại Tờ trình số 48/TTr-HĐQL ngày 20 tháng 3 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Ninh Thuận, gồm 06 chương, 35 điều.

Điều 2. Giao Chủ tịch Hội đồng quản lý và Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Ninh Thuận triển khai thực hiện Điều lệ này.

h2

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 04 tháng 5 năm 2018 và thay thế Quyết định số 92/2014/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Ninh Thuận; đồng thời bãi bỏ Điều 2, 3 Quyết định số 25/2012/QĐ-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Ninh Thuận.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Hội đồng quản lý và Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Ninh Thuận và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 12

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ pháp chế (Bộ Tài chính);
- Vụ Pháp chế (Bộ Nội vụ);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Chi nhánh Ngân hàng nhà nước tỉnh;
- Kho bạc nhà nước tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh;
- Các cơ quan Đảng, Đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND các huyện, thành phố;
- Trung tâm công báo; Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: LĐ;
- Lưu: VT, TH_{LTP}.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lưu Xuân Vĩnh

ĐIỀU LỆ

Tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Ninh Thuận
(Phê duyệt kèm theo Quyết định số 28 /2018/QĐ-UBND
ngày 24 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Ngoài các thuật ngữ quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28/8/2007 và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ, trong Điều lệ này những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

1. “Vốn điều lệ” là mức vốn quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Ninh Thuận (sau đây gọi tắt là Quỹ).
2. “Vốn điều lệ thực có” là số vốn điều lệ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh thực cấp cho Quỹ và được phản ánh trên sổ sách kế toán của Quỹ để hoạt động theo quy định.
3. “Người có liên quan” là cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản lý, Ban Giám đốc, thành viên Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng của Quỹ.

Điều 2. Tên gọi, trụ sở và vốn điều lệ của Quỹ

1. Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Ninh Thuận là một tổ chức tài chính Nhà nước của địa phương, được thành lập theo Quyết định số 25/2012/QĐ-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận, nhằm mục đích tiếp nhận vốn ngân sách, huy động vốn trung và dài hạn từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để cho vay, đầu tư vào dự án, doanh nghiệp phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của tỉnh Ninh Thuận.

2. Vốn điều lệ của Quỹ: 100 tỷ đồng (Một trăm tỷ đồng).

3. Tên gọi của Quỹ:

a) Tên gọi đầy đủ: Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Ninh Thuận;

b) Tên viết tắt: NDIF;

c) Tên giao dịch quốc tế: Ninh Thuan Development Investment Fund.

4. Địa chỉ trụ sở chính: Số 59 đường 16 tháng 4, phường Thanh Sơn, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

5. Điện thoại, fax, trang thông tin điện tử:

a) Điện thoại: 0259.3828585 - 0259.3828587;

b) Fax: 0259.3828585;

c) Trang thông tin điện tử: <https://www.ndif.com.vn>.

Điều 3. Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân và đại diện theo pháp luật

1. Quỹ là một tổ chức tài chính Nhà nước của địa phương, thực hiện chức năng đầu tư phát triển, đầu tư tài chính theo quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28/8/2007 và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ và Điều lệ này.

2. Quỹ có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có bảng cân đối kế toán riêng, có con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

3. Người đại diện theo pháp luật của Quỹ là Giám đốc Quỹ.

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động

1. Quỹ hoạt động theo mô hình ngân hàng chính sách, thực hiện nguyên tắc tự chủ về tài chính, không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn.

2. Quỹ chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi nguồn vốn chủ sở hữu của Quỹ.

Điều 5. Tổ chức bộ máy

1. Cơ cấu tổ chức quản lý và điều hành của Quỹ bao gồm:

a) Hội đồng quản lý bao gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch thường trực, Phó Chủ tịch chuyên trách và các thành viên;

b) Ban Kiểm soát bao gồm: Trưởng ban kiểm soát và các thành viên;

c) Bộ máy điều hành bao gồm: Ban Giám đốc (Giám đốc, các Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và các Phòng, Ban nghiệp vụ.

2. Việc thay đổi lại cơ cấu tổ chức quản lý và điều hành của Quỹ do Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng quản lý Quỹ quyết định theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ này và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ.

Điều 6. Hoạt động của các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam tại Quỹ hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quy định của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Tổ chức công đoàn và các tổ chức chính trị xã hội khác tại Quỹ hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước và quy định của các tổ chức đó.

Điều 7. Tổ chức thực hiện các quyền và trách nhiệm của chủ sở hữu nhà nước đối với Quỹ

1. Ủy ban nhân dân tỉnh:

Ủy ban nhân dân tỉnh trực tiếp quản lý, kiểm tra, giám sát toàn diện tình hình hoạt động và tài chính của Quỹ, quyết định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28/8/2007 và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ và các quy định pháp luật hiện hành. Cụ thể như sau:

a) Trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt phương án cấp, bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ; bố trí nguồn để cấp, bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ theo phương án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt;

b) Phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ hoặc phê duyệt Điều lệ sửa đổi, bổ sung trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ;

c) Phê duyệt tổ chức bộ máy của Quỹ trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ;

d) Ban hành danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ;

đ) Quyết định mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ trong từng thời kỳ theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ;

e) Phê duyệt đầu tư, cho vay, góp vốn thành lập doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại Điều 10, 11, 12 Điều lệ này;

g) Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản lý và Ban Kiểm soát Quỹ theo quy định tại khoản 1 và khoản 13 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ;

h) Quản lý, kiểm tra, giám sát toàn diện tình hình hoạt động và tài chính của Quỹ;

i) Phê duyệt chiến lược hoạt động dài hạn, kế hoạch hoạt động và kế hoạch tài chính hàng năm của Quỹ;

j) Trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định việc tổ chức lại, giải thể Quỹ theo quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28/8/2007 và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ;

k) Xem xét chấp thuận việc cho vay hợp vốn đối với trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ;

l) Quyết định cho vay đối với các dự án có thời hạn cho vay trên 15 năm;

m) Quyết định việc khoan nợ, xoá nợ gốc theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28/8/2007 của Chính phủ;

n) Phê duyệt quy chế tuyển dụng lao động của Quỹ; quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản lý, Trưởng Ban Kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng hoặc các chức danh khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh;

o) Thực hiện quyền và trách nhiệm của chủ sở hữu về cơ chế tiền lương, tiền thưởng của Quỹ theo quy định của pháp luật đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn;

p) Phê duyệt kết quả đánh giá xếp loại hiệu quả hoạt động của Quỹ;

q) Chấp thuận mức hoặc tỷ lệ trích lập cụ thể vào các quỹ đầu tư phát triển, quỹ thưởng Ban quản lý điều hành, quỹ khen thưởng, phúc lợi từ nguồn chênh lệch thu chi của Quỹ theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ;

r) Chấp thuận báo cáo tài chính và quyết toán chênh lệch thu chi của Quỹ;

s) Thực hiện các nhiệm vụ, trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

2. Sở Tài chính là cơ quan chuyên môn giúp việc thay mặt Ủy ban nhân dân tỉnh trực tiếp theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động, tài chính của Quỹ và thực hiện một số nhiệm vụ khác có liên quan theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 8. Nghĩa vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận

1. Cấp và bổ sung đủ vốn điều lệ cho Quỹ.

2. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số vốn điều lệ theo quy định của pháp luật.

3. Bố trí đầy đủ, kịp thời nguồn cấp bù phần chênh lệch giữa mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ và lãi suất Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ định cho vay, nguồn cấp hỗ trợ lãi suất sau đầu tư cho Quỹ đối với các dự án quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ, đảm bảo không làm ảnh hưởng đến nguồn vốn hoạt động của Quỹ.

4. Bố trí đầy đủ, kịp thời nguồn vốn cho Quỹ đối với các dự án do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho vay, đầu tư trực tiếp, góp vốn thành lập doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28/8/2007 của Chính phủ.

5. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương II CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA QUỸ

Mục 1 CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA QUỸ

Điều 9. Hoạt động huy động vốn

1. Quỹ được huy động các nguồn vốn trung và dài hạn từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, bao gồm:

- a) Vay các tổ chức tài chính, tín dụng trong và ngoài nước. Việc vay vốn ngoài nước thực hiện theo quy định của pháp luật về vay nợ nước ngoài;
- b) Phát hành trái phiếu Quỹ theo quy định của pháp luật;
- c) Các hình thức huy động vốn trung và dài hạn khác theo quy định của pháp luật.

2. Quỹ không được huy động vốn ngắn hạn.

3. Giới hạn huy động vốn:

Tổng mức vốn huy động theo các hình thức quy định tại khoản 1 Điều này tối đa bằng 06 (sáu) lần vốn chủ sở hữu của Quỹ tại cùng thời điểm.

4. Trường hợp huy động vốn cho ngân sách tỉnh được thực hiện theo quy định của Chính phủ, Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân tỉnh. Vốn huy động cho ngân sách tỉnh không tính vào nguồn vốn huy động của Quỹ.

Điều 10. Hoạt động đầu tư trực tiếp

1. Đối tượng đầu tư:

a) Là các dự án đầu tư thuộc danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của tỉnh đã được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành;

b) Căn cứ vào danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của tỉnh quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này, Quỹ lựa chọn, thẩm định và quyết định đầu tư trực tiếp vào các dự án cụ thể nếu đáp ứng các điều kiện đầu tư quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Điều kiện đầu tư:

- a) Dự án đầu tư đã được quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật;
- b) Dự án đầu tư phải có hiệu quả và có khả năng thu hồi vốn trực tiếp.

3. Phương thức đầu tư:

a) Quỹ có thể thực hiện đầu tư với tư cách là chủ đầu tư hoặc tham gia góp vốn với các tổ chức khác để đầu tư và chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của Quỹ theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Quỹ có thể trực tiếp quản lý dự án đầu tư hoặc thuê các tổ chức chuyên môn quản lý dự án đầu tư theo quy định của pháp luật.

4. Hình thức đầu tư:

Việc đầu tư của Quỹ được thực hiện theo các quy định của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng. Tùy từng điều kiện cụ thể, Quỹ lựa chọn các hình thức đầu tư sau đây:

a) Đầu tư theo các hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC), hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT), hợp đồng xây dựng - chuyển giao - kinh doanh (BTO), hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT) và các hình thức đầu tư trực tiếp khác theo quy định của pháp luật về đầu tư;

b) Tìm kiếm dự án, thực hiện các công việc chuẩn bị đầu tư, sau đó thực hiện đầu tư hoặc chuyển nhượng lại dự án cho chủ đầu tư khác thực hiện đầu tư.

5. Giới hạn đầu tư:

a) Giới hạn đầu tư trực tiếp vào các dự án tối đa bằng 50% vốn chủ sở hữu của Quỹ tại thời điểm thực hiện;

b) Đối với dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ của các nhà tài trợ quốc tế có quy định về giới hạn đầu tư trực tiếp khác với quy định tại Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ và Điều lệ này thì thực hiện theo các quy định tại thoả thuận đã ký kết với nhà tài trợ quốc tế.

6. Thẩm quyền quyết định đầu tư:

a) Mức vốn đầu tư đối với một dự án dưới 2% vốn chủ sở hữu của Quỹ do Giám đốc Quỹ quyết định;

b) Mức vốn đầu tư đối với một dự án từ 2% đến 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định;

c) Mức vốn đầu tư đối với một dự án trên 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

7. Phương thức thu hồi vốn đầu tư:

a) Quỹ sẽ bán hoặc cho thuê tài sản hình thành sau đầu tư để thu hồi vốn đầu tư. Việc bán hoặc cho thuê tài sản hình thành sau đầu tư thực hiện theo đúng quy định của pháp luật;

b) Các hình thức thu hồi vốn đầu tư khác theo quy định của pháp luật.

8. Hồ sơ, thủ tục, quy trình thẩm định, xét duyệt và một số nội dung khác có liên quan về đầu tư trực tiếp thực hiện theo Quy chế, Quy trình đầu tư trực tiếp của Quỹ.

Điều 11. Hoạt động cho vay

1. Đối tượng cho vay:

b2

a) Là các dự án đầu tư thuộc danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của tỉnh đã được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành;

b) Căn cứ vào danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của tỉnh quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này, Quỹ lựa chọn, thẩm định và quyết định cho vay các dự án cụ thể nếu đáp ứng các điều kiện cho vay quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Điều kiện cho vay:

Quỹ chỉ cho vay khi chủ đầu tư bảo đảm có đủ các điều kiện sau đây:

a) Đã hoàn thành thủ tục đầu tư theo quy định của pháp luật;

b) Có phương án sản xuất, kinh doanh có lãi và phương án bảo đảm trả được nợ;

c) Có cam kết mua bảo hiểm đối với tài sản hình thành từ vốn vay thuộc đối tượng mua bảo hiểm bắt buộc tại một công ty bảo hiểm hợp pháp được phép hoạt động tại Việt Nam;

d) Chủ đầu tư là các tổ chức có tư cách pháp nhân hoặc các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

3. Thời hạn cho vay:

Thời hạn cho vay được xác định theo khả năng thu hồi vốn phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của từng dự án và khả năng trả nợ của chủ đầu tư nhưng tối đa là 15 năm. Trường hợp đặc biệt vay trên 15 năm do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

4. Lãi suất cho vay:

a) Lãi suất cho vay của Quỹ được xác định theo nguyên tắc không thấp hơn lãi suất huy động bình quân của các nguồn vốn huy động, đảm bảo bù đắp phí quản lý, các chi phí khác có liên quan đến hoạt động cho vay của Quỹ và bảo toàn, phát triển nguồn vốn chủ sở hữu;

b) Hàng năm hoặc trong từng thời kỳ, căn cứ nguyên tắc xác định lãi suất quy định tại điểm a, khoản 4 Điều này, Giám đốc Quỹ tính toán, báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ trình Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định ban hành mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ;

c) Quỹ quyết định mức lãi suất cho vay đối với từng dự án cụ thể nhưng không được thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định tại điểm b, khoản 4 Điều này;

d) Trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho vay dự án đầu tư với lãi suất thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu quy định tại điểm b, khoản 4 Điều này, Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm cấp bù phần chênh lệch giữa mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ và lãi suất chỉ định cho vay đối với dự án đó.

h₂

d) Trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chương trình hỗ trợ lãi suất sau đầu tư đối với một dự án cụ thể thì phải đảm bảo các điều kiện sau:

- Đối tượng được nhận hỗ trợ lãi suất sau đầu tư là chủ đầu tư vào dự án thuộc Danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của tỉnh theo quy định tại khoản 1, Điều 10 và khoản 1, Điều 11 của Điều lệ này;

- Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định hỗ trợ lãi suất sau đầu tư đối với từng dự án cụ thể, trong đó phải quy định rõ: Đối tượng được nhận hỗ trợ; phương thức, thời điểm và mức hỗ trợ lãi suất sau đầu tư; nhiệm vụ, quyền hạn của Quỹ trong việc thẩm định dự án và giải ngân hỗ trợ lãi suất sau đầu tư; nghĩa vụ, trách nhiệm của đối tượng được nhận hỗ trợ và của các bên có liên quan khác. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm bố trí đầy đủ nguồn cấp hỗ trợ lãi suất sau đầu tư cho Quỹ, đảm bảo không ảnh hưởng đến nguồn vốn hoạt động của Quỹ.

e) Đối với dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ của các nhà tài trợ quốc tế có quy định về lãi suất cho vay khác với quy định tại Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ và Điều lệ này thì thực hiện theo các quy định tại thoả thuận đã ký kết với nhà tài trợ quốc tế.

5. Giới hạn cho vay:

a) Giới hạn cho vay đối với một dự án không vượt quá 20% vốn chủ sở hữu của Quỹ tại thời điểm thực hiện và không vượt quá 80% tổng vốn đầu tư của dự án. Trường hợp Quỹ thực hiện đồng thời đầu tư trực tiếp và cho vay đối với một dự án thì tổng giới hạn đầu tư trực tiếp và cho vay không được vượt quá 30% vốn chủ sở hữu của Quỹ tại thời điểm thực hiện;

b) Tổng mức dư nợ cho vay đối với một khách hàng của Quỹ không được vượt quá 25% vốn chủ sở hữu của Quỹ;

c) Đối với dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ của các nhà tài trợ quốc tế có quy định về giới hạn cho vay khác với quy định tại Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ và Điều lệ này thì thực hiện theo các quy định tại thoả thuận đã ký kết với nhà tài trợ quốc tế.

6. Thẩm quyền quyết định cho vay:

a) Mức vốn cho vay đối với một dự án dưới 3% vốn chủ sở hữu của Quỹ do Giám đốc Quỹ quyết định.

b) Mức vốn cho vay đối với một dự án từ 3% đến 15% vốn chủ sở hữu của Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

c) Mức vốn cho vay đối với một dự án trên 15% vốn chủ sở hữu của Quỹ do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

7. Bảo đảm tiền vay:

Căn cứ vào đặc điểm của từng dự án đầu tư, Quỹ lựa chọn một, một số hoặc tất cả các biện pháp bảo đảm tiền vay sau đây:

- a) Cầm cố, thế chấp tài sản của chủ đầu tư;
- b) Cầm cố, thế chấp bằng chính tài sản hình thành trong tương lai của dự án đầu tư;
- c) Bảo lãnh bằng tài sản thế chấp của bên thứ ba;
- d) Các biện pháp bảo đảm tiền vay khác phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

8. Hợp vốn cho vay:

a) Quỹ được làm đầu mối cho vay hợp vốn hoặc cùng hợp vốn với các Quỹ khác, tổ chức tín dụng và tổ chức khác để cho vay dự án. Việc cho vay hợp vốn phải lập thành hợp đồng và phải tuân theo các nội dung quy định nêu tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 và khoản 7 Điều này;

b) Trường hợp thực hiện cho vay hợp vốn đối với dự án không thuộc địa bàn tỉnh Ninh Thuận thì việc cho vay hợp vốn phải thoả mãn các điều kiện sau đây:

- Dự án có tính chất hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội liên vùng, bao gồm cả địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

- Được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận chấp thuận.

c) Lãi suất cho vay hợp vốn do Quỹ và các tổ chức cho vay hợp vốn tự quyết định, được thể hiện trong hợp đồng và phải đảm bảo không thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu của từng Quỹ theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ.

9. Phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro:

Việc phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro đối với hoạt động cho vay đầu tư của Quỹ thực hiện theo quy định áp dụng cho các tổ chức tín dụng.

10. Xử lý rủi ro:

Rủi ro xảy ra cho các dự án vay vốn của Quỹ do nguyên nhân khách quan được xử lý như sau:

a) Trường hợp do chính sách Nhà nước thay đổi làm ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của dự án mà dẫn đến việc chủ đầu tư gặp khó khăn trong trả nợ vay thì chủ đầu tư được xem xét gia hạn nợ; xoá, giảm lãi tiền vay; khoan nợ;

b) Trường hợp thiên tai, hoả hoạn, tai nạn do nguyên nhân khách quan gây thiệt hại tài sản mà chủ đầu tư không trả được nợ và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác nhận, thì việc xử lý rủi ro được thực hiện theo trình tự lần lượt như sau:

- Sử dụng các nguồn tài chính của chủ đầu tư theo quy định để thu hồi nợ;
- Tiền bồi thường của cơ quan bảo hiểm (nếu có);

- Được xem xét, xoá nợ một phần hoặc toàn bộ số nợ vay còn lại.

11. Thẩm quyền xử lý rủi ro:

a) Cấp nào quyết định cho vay thì quyết định gia hạn nợ. Thời gian gia hạn nợ tối đa không vượt quá 1/3 thời hạn của khoản vay;

b) Hội đồng quản lý Quỹ quyết định việc xoá nợ lãi;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc khoan nợ, xoá nợ gốc. Trường hợp xoá nợ, sau khi quyết định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh.

12. Hồ sơ, thủ tục, quy trình thẩm định xét duyệt và một số nội dung khác về cho vay thực hiện theo Quy chế, Quy trình cho vay của Quỹ.

Điều 12. Hoạt động góp vốn thành lập doanh nghiệp

1. Hình thức góp vốn:

Quỹ được góp vốn thành lập công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp để thực hiện các hoạt động đầu tư trực tiếp vào các công trình, dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của tỉnh đã được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

2. Thẩm quyền quyết định góp vốn:

a) Mức vốn góp đối với một doanh nghiệp trên 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định;

b) Mức góp vốn đầu tư đối với một doanh nghiệp từ 2% đến 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định;

c) Mức góp vốn đầu tư đối với một doanh nghiệp dưới 2% vốn chủ sở hữu của Quỹ do Giám đốc Quỹ quyết định.

3. Giới hạn góp vốn:

Giới hạn đầu tư góp vốn thành lập tổ chức kinh tế tối đa bằng 20% vốn chủ sở hữu của Quỹ tại thời điểm thực hiện.

4. Quản lý phần vốn góp của Quỹ vào doanh nghiệp:

Quỹ thực hiện quyền, nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn thông qua đại diện của Quỹ tại các doanh nghiệp mà Quỹ góp vốn thành lập theo quy định của pháp luật và Điều lệ của doanh nghiệp. Việc cử đại diện phần vốn góp của Quỹ tại doanh nghiệp được thực hiện phù hợp với quy mô vốn góp của Quỹ tại doanh nghiệp và theo quy định sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định cử Giám đốc, Phó Giám đốc và các chức danh khác của Quỹ làm đại diện phần vốn góp của Quỹ tại doanh nghiệp và chịu trách nhiệm về quyết định của mình trước Hội đồng quản lý Quỹ và Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Người quyết định cử đại diện phần vốn góp của Quỹ tại doanh nghiệp mà Quỹ góp vốn không được là người có liên quan với người được cử đại diện phần vốn góp của Quỹ tại doanh nghiệp đó.

5. Thu hồi vốn góp:

Quỹ có thể chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn đã góp vào doanh nghiệp và các quyền có được từ phần vốn đã góp để thu hồi vốn. Việc chuyển nhượng thực hiện theo Quy chế góp vốn thành lập doanh nghiệp của Quỹ, Điều lệ của doanh nghiệp mà Quỹ góp vốn và các quy định của pháp luật. Giá chuyển nhượng thực hiện theo giá thị trường tại thời điểm chuyển nhượng. Cấp nào quyết định góp vốn thì quyết định việc chuyển nhượng phần vốn góp của Quỹ và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Điều 13. Hoạt động ủy thác và nhận ủy thác

1. Hoạt động nhận ủy thác:

a) Quỹ được nhận ủy thác: Quản lý nguồn vốn đầu tư, cho vay đầu tư và thu hồi nợ, cấp phát vốn đầu tư cho các công trình, dự án từ ngân sách nhà nước, Ngân hàng Phát triển Việt Nam, các doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thông qua hợp đồng nhận ủy thác giữa Quỹ với tổ chức, cá nhân ủy thác;

b) Quỹ được nhận ủy thác: Quản lý hoạt động của Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, Quỹ Phát triển đất, Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã và các Quỹ tài chính địa phương khác do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập. Việc ủy thác cho Quỹ được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành;

c) Quỹ được tổ chức huy động vốn cho ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật, bao gồm cả phát hành trái phiếu chính quyền địa phương theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

d) Quỹ được hưởng phí dịch vụ nhận ủy thác. Mức phí cụ thể được thỏa thuận và ghi trong hợp đồng nhận ủy thác.

2. Hoạt động ủy thác:

a) Quỹ được ủy thác cho các tổ chức tín dụng và Ngân hàng Phát triển Việt Nam thực hiện cho vay và thu hồi nợ một số dự án thuộc đối tượng vay vốn của Quỹ thông qua hợp đồng ủy thác giữa Quỹ với tổ chức nhận ủy thác;

b) Các tổ chức nhận ủy thác được hưởng phí dịch vụ ủy thác. Mức phí cụ thể được thỏa thuận và ghi trong hợp đồng ủy thác.

Điều 14. Chức năng, nhiệm vụ khác của Quỹ

Quỹ thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương nhưng không trái với quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28/8/2007, Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ, Điều lệ này và các văn bản pháp luật liên quan.

Mục 2

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA QUỸ

Điều 15. Trách nhiệm của Quỹ

1. Thực hiện các hoạt động của Quỹ theo chức năng, nhiệm vụ quy định tại Mục 1, Chương II Điều lệ này.
2. Thực hiện đầu tư trong phạm vi kế hoạch và cơ cấu đầu tư đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trong từng thời kỳ, phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.
3. Quản lý sử dụng vốn đúng mục đích, đảm bảo an toàn và phát triển vốn, tự bù đắp chi phí và tự chịu rủi ro.
4. Thực hiện đúng cơ chế tài chính, chế độ kế toán, thống kê và báo cáo tài chính theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và quy định của pháp luật.
5. Chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo luật định; cung cấp số liệu, công bố công khai về tình hình tài chính theo quy định của pháp luật.
6. Mua bảo hiểm tài sản, bảo hiểm rủi ro và các loại bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật.
7. Chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của Nhà nước và các quy định khác có liên quan đến hoạt động của Quỹ.
8. Thực hiện đúng hạn, đầy đủ các nghĩa vụ trả nợ của Quỹ đối với các khoản vốn mà Quỹ đã huy động từ các tổ chức và cá nhân theo quy định của pháp luật.
9. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Quyền hạn của Quỹ

1. Được tổ chức hoạt động phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ và phạm vi hoạt động quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28/8/2007, Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ và Điều lệ này.
2. Được lựa chọn các dự án có hiệu quả, phù hợp với kế hoạch và cơ cấu đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh để quyết định cho vay, đầu tư trực tiếp hoặc góp vốn thành lập doanh nghiệp. Trường hợp thực hiện cho vay, đầu tư trực tiếp hoặc góp vốn thành lập doanh nghiệp theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh thì Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm về quyết định của mình (bao gồm cả việc cấp bù chênh lệch lãi suất, cấp hỗ trợ lãi suất sau đầu tư theo quy định tại Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP) để đảm bảo nguyên tắc, nguồn vốn hoạt động của Quỹ.
3. Được tuyển chọn, bố trí, sử dụng, đào tạo lao động và sử dụng lao động theo quy định của pháp luật.

4. Được từ chối mọi yêu cầu của bất cứ cá nhân hay tổ chức nào về việc cung cấp thông tin và các nguồn lực khác của Quỹ, nếu yêu cầu đó trái với quy định của pháp luật và trái với Điều lệ của Quỹ.

5. Được liên hệ với các ngành chức năng, các đơn vị, các huyện, thành phố có liên quan trên địa bàn để tìm kiếm, xây dựng các dự án đầu tư.

6. Được mời và tiếp các đối tác đầu tư, kinh doanh nước ngoài, được cử cán bộ và nhân viên của Quỹ ra nước ngoài công tác, học tập, tham quan, khảo sát theo quy định của pháp luật.

7. Được pháp luật bảo hộ với tư cách là một pháp nhân trước mọi hành vi trái pháp luật gây tổn hại đến tài sản, quyền lợi và uy tín của Quỹ.

8. Được quản lý, sử dụng vốn và tài sản được giao, vốn huy động để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28/8/2007, Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ và Điều lệ này.

9. Được yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu, hồ sơ về tình hình tài chính, sản xuất kinh doanh để xem xét, quyết định cho vay, đầu tư trực tiếp, góp vốn thành lập doanh nghiệp; trực tiếp thẩm định phương án tài chính, hiệu quả đầu tư của các dự án; định giá tài sản đảm bảo tiền vay; phân tích, đánh giá và giám sát quá trình triển khai thực hiện dự án.

10. Được thuê các tổ chức, chuyên gia tư vấn để xem xét, thẩm định, quản lý một phần hoặc toàn bộ các dự án Quỹ cho vay, đầu tư trực tiếp, góp vốn thành lập doanh nghiệp; định giá tài sản đảm bảo tiền vay.

11. Được kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất tình hình sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân vay vốn tại Quỹ; tình hình tài sản bảo đảm tiền vay; tình hình quản lý, sử dụng nguồn vốn Quỹ cho vay đầu tư cũng như các vấn đề liên quan đến việc thực hiện dự án đầu tư.

12. Được đình chỉ hoặc báo cáo cấp thẩm quyền quyết định đình chỉ việc cho vay, đầu tư trực tiếp, góp vốn thành lập doanh nghiệp; thu hồi các khoản cho vay, đầu tư trực tiếp trước thời hạn nếu có đầy đủ chứng cứ chứng minh đối tượng sử dụng vốn không đúng mục đích, vi phạm hợp đồng hoặc vi phạm pháp luật.

13. Có quyền từ chối tài trợ, hợp tác, cho vay, đầu tư vốn nếu xét thấy trái pháp luật, Điều lệ của Quỹ.

14. Khi đến hạn trả nợ, nếu chủ đầu tư không trả được nợ thì Quỹ được quyền xử lý tài sản bảo đảm tiền vay để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

15. Được cho thuê, thế chấp, cầm cố, thanh lý, nhượng bán tài sản cố định thuộc quyền sở hữu của Quỹ theo quy định của pháp luật hiện hành.

16. Được tuyển dụng, thuê, bố trí, sử dụng, quy hoạch, đào tạo và bồi dưỡng Ban điều hành và người lao động; lựa chọn các hình thức trả lương,

h

thường trên cơ sở kết quả hoạt động của Quỹ và có các quyền khác của người sử dụng lao động theo quy định của pháp luật.

17. Trực tiếp quan hệ với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để đàm phán, ký kết các hợp đồng vay vốn, nhận tài trợ, nhận ủy thác trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi theo đúng pháp luật Việt Nam.

18. Thực hiện các quyền lợi khác theo quy định pháp luật hiện hành.

Chương III **CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU HÀNH CỦA QUỸ**

Mục 1 **HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ**

Điều 17. Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ là đại diện của Ủy ban nhân dân tỉnh, được ủy quyền tổ chức thực hiện một số quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu; quyết định và tổ chức thực hiện các vấn đề liên quan đến việc xác định và thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Quỹ theo quy định tại Mục 1, Mục 2, Chương II Điều lệ này.

2. Hội đồng quản lý Quỹ có tối đa 05 (năm) người. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định số lượng cụ thể thành viên Hội đồng quản lý Quỹ theo nguyên tắc tổng số thành viên Hội đồng quản lý Quỹ phải là số lẻ.

3. Cơ cấu Hội đồng quản lý Quỹ gồm có Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch và 02 thành viên Hội đồng quản lý (sau đây gọi chung là thành viên Hội đồng quản lý). Ngoại trừ Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý có thể kiêm Giám đốc Quỹ, các thành viên khác của Hội đồng quản lý có thể hoạt động kiêm nhiệm nhưng không được kiêm nhiệm bất kỳ một chức vụ quản lý khác tại Quỹ. Cơ cấu Hội đồng quản lý Quỹ do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định, gồm có:

- | | |
|--|----------------------------|
| - 01 lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh: | Chủ tịch Hội đồng; |
| - Giám đốc Sở Tài chính: | Phó Chủ tịch thường trực; |
| - Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh: | Phó Chủ tịch chuyên trách; |
| - Lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư: | Thành viên; |
| - Lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước tỉnh: | Thành viên. |

4. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản lý Quỹ là 05 (năm) năm; thành viên Hội đồng quản lý Quỹ có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Hội đồng quản lý Quỹ mới chưa được bổ nhiệm thì Hội đồng quản lý Quỹ của nhiệm kỳ hiện tại vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Hội đồng quản lý mới được bổ nhiệm và nhận nhiệm vụ.

Điều 18. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Xem xét và thông qua phương hướng hoạt động; kế hoạch huy động vốn, kế hoạch tài chính dài hạn và hàng năm để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; thẩm tra và thông qua báo cáo quyết toán của Quỹ.

2. Giám sát, kiểm tra bộ máy điều hành của Quỹ trong việc chấp hành các chính sách và pháp luật, thực hiện các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

3. Xem xét, quyết định cho vay, đầu tư trực tiếp, góp vốn thành lập doanh nghiệp, ủy thác và nhận ủy thác đối với các dự án thuộc thẩm quyền.

4. Ủy quyền cho Giám đốc Quỹ thực hiện một số nhiệm vụ và quyền hạn thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ. Người được ủy quyền chịu trách nhiệm trong phạm vi được ủy quyền. Hội đồng quản lý Quỹ chịu trách nhiệm cuối cùng đối với các nội dung ủy quyền.

5. Chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ và chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc được phân công trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật.

6. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Tiếp nhận, quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn ngân sách và các nguồn lực khác do Nhà nước giao cho Quỹ; trình Ủy ban nhân dân tỉnh phương án điều chỉnh vốn điều lệ của Quỹ để quyết định theo thẩm quyền.

8. Ban hành các quy chế hoạt động và nghiệp vụ của Quỹ, bao gồm: Quy chế hoạt động của bộ máy quản lý, điều hành Quỹ; Quy chế đầu tư xây dựng, mua sắm và quản lý tài sản của Quỹ; Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế lao động, tiền lương; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; Quy chế huy động vốn; Quy chế đầu tư trực tiếp; Quy chế cho vay; Quy chế góp vốn thành lập doanh nghiệp; Quy chế quản lý rủi ro; Quy chế nhận ủy thác và ủy thác; Quy chế bảo đảm tiền vay và các quy chế hoạt động, nghiệp vụ khác theo yêu cầu quản lý của Quỹ.

9. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định về mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ.

10. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành danh mục các lĩnh vực kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương.

11. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc khoan nợ, xóa nợ gốc theo thẩm quyền quy định.

12. Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng thành viên/Chủ tịch Công ty về cơ chế tiền lương, tiền thưởng của Quỹ theo quy định của pháp luật đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn.

13. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt báo cáo xếp loại hiệu quả hoạt động của Quỹ; báo cáo tài chính, quyết toán chênh lệch thu chi của Quỹ; mức

hoặc tỷ lệ trích lập cụ thể vào các quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ thưởng Ban quản lý điều hành, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi của Quỹ.

14. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương thức tổ chức, bộ máy quản lý điều hành Quỹ; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

15. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ.

16. Phê duyệt Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

17. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ cho phù hợp với yêu cầu thực tế và các quy định hiện hành của pháp luật.

18. Xem xét, giải quyết các khiếu nại của các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật.

19. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 19. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản lý Quỹ

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản lý Quỹ.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Hội đồng quản lý:

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;

b) Có trình độ đại học trở lên, có năng lực quản lý và kinh nghiệm về một trong các lĩnh vực: tài chính, ngân hàng, đầu tư, quản trị;

c) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết và có ý thức chấp hành pháp luật;

d) Không thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý điều hành doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

đ) Không có người liên quan giữ chức danh Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, thành viên Ban Kiểm soát, Thủ quỹ tại Quỹ;

e) Không phải là người liên quan của người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản lý Quỹ;

g) Tiêu chuẩn, điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh và các quy định cụ thể tại Điều lệ này.

3. Thành viên Hội đồng quản lý Quỹ bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong những trường hợp sau:

a) Không còn đáp ứng được đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện thành viên Hội đồng quản lý Quỹ;

b) Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố, bị Tòa án kết án bằng bản án;

c) Vi phạm nghiêm trọng các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ, các quy chế của Quỹ, quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật liên quan đến mức bị kỷ luật;

d) Xin từ chức và được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản theo quy định của pháp luật;

đ) Có quyết định điều chuyển hoặc bố trí công việc khác;

e) Nghỉ hưu;

g) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Quy trình, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật thành viên Hội đồng quản lý Quỹ do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Hội đồng quản lý Quỹ

1. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Thay mặt Hội đồng quản lý Quỹ tiếp nhận vốn điều lệ do ngân sách cấp và các nguồn lực khác do Nhà nước giao cho Quỹ;

b) Phân công nhiệm vụ cụ thể đối với các thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ;

c) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ theo quy định tại Điều 18 của Điều lệ này;

d) Thay mặt Hội đồng quản lý Quỹ ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý;

đ) Tổ chức theo dõi và giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ; có quyền hủy bỏ các quyết định của Giám đốc Quỹ trái với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ, quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan;

e) Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản lý ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý hoặc cho thành viên Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền. Người được ủy quyền chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về các nhiệm vụ được ủy quyền;

g) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Thành viên của Hội đồng quản lý có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- a) Tham dự họp Hội đồng quản lý Quỹ; thảo luận, kiến nghị, biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ;
- b) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo phân công hoặc ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ;
- c) Yêu cầu Giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý của Quỹ cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động của Quỹ để phục vụ công tác của mình. Người được yêu cầu phải cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ và chính xác.

3. Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản lý Quỹ có nghĩa vụ:

- a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ, quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao;
- b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Quỹ và Ủy ban nhân dân tỉnh;
- c) Trung thành với lợi ích của Quỹ; không sử dụng thông tin hoạt động của Quỹ hoặc lợi dụng chức vụ và tài sản của Quỹ để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của người khác;

4. Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản lý Quỹ được sử dụng con dấu của Quỹ cho các văn bản, hồ sơ, tài liệu thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý, thành viên Hội đồng quản lý Quỹ.

Điều 21. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo chế độ tập thể, họp thường kỳ tối thiểu 3 tháng một lần để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản lý Quỹ. Hội đồng quản lý Quỹ có thể họp bất thường để giải quyết các vấn đề cấp bách của Quỹ theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc theo đề nghị của Giám đốc Quỹ, Trưởng Ban Kiểm soát, sau khi được Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ chấp thuận.

2. Các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ chỉ có hiệu lực khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự. Thành viên Hội đồng quản lý Quỹ vắng mặt tại cuộc họp phải có thông báo bằng văn bản về lý do vắng mặt. Cuộc họp do Chủ tịch hoặc một thành viên khác của Hội đồng quản lý Quỹ được Chủ tịch ủy quyền (trong trường hợp Chủ tịch vắng mặt) chủ trì. Trong trường hợp cấp bách không tổ chức họp, việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ phải được thực hiện bằng văn bản.

3. Tài liệu họp Hội đồng quản lý Quỹ phải được Quỹ chuẩn bị và gửi tới các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ tối thiểu 3 ngày làm việc trước ngày họp.

4. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định các vấn đề theo nguyên tắc đa số, mỗi thành viên Hội đồng quản lý có một phiếu biểu quyết với quyền biểu quyết

ngang nhau. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ có hiệu lực khi có trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số thành viên Hội đồng quản lý Quỹ biểu quyết hoặc lấy ý kiến bằng văn bản có ý kiến tán thành. Trường hợp số phiếu bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phiếu có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc người chủ trì cuộc họp Hội đồng quản lý. Thành viên Hội đồng quản lý có quyền bảo lưu ý kiến của mình và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

5. Nội dung các vấn đề thảo luận, các ý kiến phát biểu, kết luận và kết quả biểu quyết của các cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ phải được ghi chép đầy đủ trong biên bản cuộc họp và được các thành viên tham dự cuộc họp cùng ký xác nhận. Kết luận của cuộc họp được thể hiện bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý và phải được gửi tới tất cả các thành viên của Hội đồng quản lý, Ban điều hành Quỹ và các tổ chức, cá nhân có liên quan để triển khai thực hiện.

6. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ có tính bắt buộc thi hành đối với hoạt động của Quỹ và Giám đốc Quỹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện. Giám đốc Quỹ có quyền bảo lưu ý kiến và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền; trong thời gian chưa có quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Quỹ phải có trách nhiệm chấp hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

Mục 2

BAN KIỂM SOÁT

Điều 22. Ban Kiểm soát Quỹ

1. Ban Kiểm soát có chức năng giúp Hội đồng quản lý Quỹ và Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện vai trò kiểm tra, giám sát việc Quỹ chấp hành các chính sách chế độ theo quy định của pháp luật; các quy chế hoạt động và nghiệp vụ của Quỹ; Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ; nghị quyết, quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng quản lý Quỹ.

2. Ban Kiểm soát gồm có 03 (ba) thành viên, trong đó có 01 (một) Trưởng ban chuyên trách phụ trách hoạt động của Ban Kiểm soát, 02 (hai) thành viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

3. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là 05 (năm) năm; thành viên Ban Kiểm soát có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban Kiểm soát mới chưa được bổ nhiệm thì Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ hiện tại vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Ban Kiểm soát mới được bổ nhiệm và nhận nhiệm vụ.

Điều 23. Nhiệm vụ, quyền hạn Ban Kiểm soát Quỹ

1. Ban Kiểm soát có các nhiệm vụ sau đây:

h

a) Kiểm tra, giám sát việc chấp hành các chính sách, chế độ theo quy định của pháp luật; quy chế hoạt động và nghiệp vụ của Quỹ; Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ; nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ và Ủy ban nhân dân tỉnh. Trường hợp phát hiện các hành vi vi phạm chính sách, chế độ theo quy định, Ban Kiểm soát Quỹ có trách nhiệm thông báo với Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời yêu cầu Hội đồng quản lý, Chủ tịch Hội đồng quản lý và bộ máy quản lý, điều hành Quỹ chấm dứt hành vi vi phạm, xác định nguyên nhân, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan và có giải pháp khắc phục hậu quả;

b) Lập kế hoạch thực hiện và báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về công tác giám sát, kiểm tra trước Hội đồng quản lý Quỹ. Trường Ban Kiểm soát có quyền đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc trong trường hợp không được Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ chấp thuận thì đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh triệu tập phiên họp bất thường để báo cáo những vấn đề khẩn cấp làm phương hại đến hoạt động của Quỹ;

c) Thẩm định báo cáo hoạt động, báo cáo tài chính và việc trích lập các quỹ, báo cáo tình hình thực hiện tiền lương và tiền thưởng theo quy định của pháp luật;

d) Trình bày báo cáo, kiến nghị của mình về kết quả kiểm soát, kết quả thẩm định về quyết toán tài chính tại các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ nhưng không tham gia biểu quyết;

đ) Thực hiện nhiệm vụ khác do Hội đồng quản lý Quỹ và Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

2. Ban Kiểm soát có các quyền hạn sau đây:

a) Được yêu cầu cung cấp thông tin, tiếp cận hồ sơ, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động và tài chính của Quỹ;

b) Được tham dự các cuộc họp giao ban, họp Hội đồng quản lý, họp Ban Giám đốc, họp chuyên đề có liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm soát. Khi tham dự các cuộc họp, Ban Kiểm soát có quyền phát biểu ý kiến nhưng không có quyền biểu quyết;

c) Được sử dụng con dấu của Quỹ cho các văn bản, hồ sơ, tài liệu thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát. Quỹ phối hợp với Ban Kiểm soát xây dựng quy chế sử dụng con dấu bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật.

3. Ban Kiểm soát có các nghĩa vụ sau đây:

a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ này và các quyết định, nghị quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng quản lý Quỹ trong việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao;

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cần

trọng nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của Quỹ và Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Trung thành với lợi ích của Quỹ; quản lý và bảo mật thông tin theo quy định của Quỹ. Không lợi dụng quyền hạn được giao để gây cản trở cho hoạt động của Quỹ; không lợi dụng thông tin, chức vụ, tài sản của Quỹ để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Thường xuyên nắm bắt tình hình, thu thập thông tin, báo cáo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Ủy ban nhân dân tỉnh về hoạt động của Quỹ theo chế độ quy định;

đ) Các nghĩa vụ khác theo các quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng quản lý Quỹ.

Điều 24. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Trưởng Ban Kiểm soát do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ. Các thành viên khác của Ban Kiểm soát do Chủ tịch Hội đồng quản lý bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo đề nghị của Trưởng Ban Kiểm soát.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát:

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đủ năng lực hành vi dân sự;

b) Không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

c) Không đồng thời giữ chức vụ quản lý, điều hành, nhân viên của Quỹ; không là người có liên quan của thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Thủ quỹ hoặc là người có liên quan của người có thẩm quyền bổ nhiệm các chức danh này;

d) Có trình độ đại học trở lên và có kinh nghiệm về một trong các lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng;

đ) Đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh và phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Tiêu chuẩn, điều kiện của Trưởng Ban Kiểm soát:

a) Đáp ứng được tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có trình độ đại học trở lên trong các ngành tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng; đồng thời phải có tối thiểu 03 (ba) năm kinh nghiệm về quản lý hoặc điều hành một trong các lĩnh vực này;

c) Đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh và phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong những trường hợp sau:

- a) Không còn đáp ứng được đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện thành viên Ban Kiểm soát hoặc tiêu chuẩn, điều kiện của Trưởng Ban Kiểm soát trong trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban Kiểm soát;
- b) Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố, bị Toà án kết án bằng bản án;
- c) Lợi dụng quyền hạn để gây cản trở đến hoạt động của Quỹ, không thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ được giao, vi phạm nghiêm trọng các quy chế của Quỹ, quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật liên quan đến mức bị kỷ luật;
- d) Xin từ chức và được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản theo quy định của pháp luật;
- đ) Khi có quyết định điều chuyển hoặc bố trí công việc khác;
- e) Nghỉ hưu;
- g) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm khác theo yêu cầu quản lý của cấp có thẩm quyền.

Mục 3 GIÁM ĐỐC QUỸ

Điều 25. Giám đốc Quỹ

1. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Quỹ, trực tiếp điều hành hoạt động hàng ngày của Quỹ theo chiến lược, mục tiêu, kế hoạch của Quỹ, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Quỹ và các nghị quyết, quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng quản lý Quỹ; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ này.

2. Nhiệm kỳ của Giám đốc Quỹ là 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Giám đốc Quỹ mới chưa được bổ nhiệm thì Giám đốc Quỹ của nhiệm kỳ hiện tại vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Giám đốc mới được bổ nhiệm và nhận nhiệm vụ.

Điều 26. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Quỹ

1. Quản lý và điều hành các hoạt động của Quỹ theo đúng Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ, pháp luật của Nhà nước và các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

h

2. Đề xuất và trình Hội đồng quản lý Quỹ đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản lý Quỹ theo quy định tại Điều 18 Điều lệ này.

3. Chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trước Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng quản lý Quỹ; ký các văn bản thuộc thẩm quyền, phạm vi điều hành của Giám đốc Quỹ.

4. Trực tiếp quản lý tài sản, vốn hoạt động và chịu trách nhiệm bảo toàn phát triển vốn, tài sản của Quỹ thuộc thẩm quyền quyết định; quyết định cho thuê tài sản của Quỹ theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện tuyển dụng lao động, bố trí, quy hoạch, đào tạo cán bộ theo quy chế tuyển dụng lao động được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh Trưởng, Phó các phòng nghiệp vụ và tương đương trở xuống.

6. Được phép đại diện cho Quỹ đối với các quan hệ trong và ngoài nước.

7. Đại diện pháp nhân của Quỹ trước pháp luật trong việc tố tụng, tranh chấp, giải thể và những vấn đề thuộc phạm vi điều hành tác nghiệp của Quỹ.

8. Xây dựng chiến lược phát triển, phương hướng hoạt động, kế hoạch hoạt động dài hạn và hàng năm; xây dựng chiến lược, kế hoạch huy động vốn, kế hoạch đầu tư, kế hoạch tài chính trình Hội đồng quản lý Quỹ thông qua để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

9. Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch đã được duyệt và các hoạt động khác của Quỹ phù hợp với quy định tại Điều lệ này và các quy định khác có liên quan.

10. Xây dựng các định mức kinh tế - kỹ thuật trình Hội đồng quản lý Quỹ thông qua để làm căn cứ thực hiện.

11. Trình Hội đồng quản lý ban hành Quy chế hoạt động nghiệp vụ của Quỹ.

12. Lập phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận; trích lập và sử dụng các quỹ trình Hội đồng quản lý Quỹ quyết định theo thẩm quyền hoặc để trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

13. Thực hiện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về các hoạt động của Quỹ cho Hội đồng quản lý Quỹ, Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính và Bộ Tài chính.

14. Đề nghị Hội đồng quản lý Quỹ trình Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của Quỹ.

15. Trình Hội đồng quản lý Quỹ thông qua, sau đó trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

16. Thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn khác của Quỹ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ ủy nhiệm nhưng không được trái với quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP, Nghị định số 37/2013/NĐ-CP và Điều lệ này.

17. Ban hành theo thẩm quyền các quy chế, quy trình nội bộ để tổ chức điều hành hoạt động của Quỹ theo phân cấp của Hội đồng quản lý Quỹ.

18. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến điều hành công việc hàng ngày của Quỹ.

Điều 27. Tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc Quỹ

1. Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. Có trình độ đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính hoặc ngân hàng; đồng thời, phải có tối thiểu 03 (ba) năm kinh nghiệm về quản lý hoặc điều hành một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng.

3. Không phải người có liên quan của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, Phó Giám đốc, thành viên Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng, Thủ quỹ và không phải người có liên quan của người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm Giám đốc Quỹ.

4. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết; hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật.

5. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 28. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Giám đốc Quỹ

1. Giám đốc Quỹ là thành viên của Hội đồng quản lý do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ.

2. Giám đốc Quỹ bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trước thời hạn trong các trường hợp sau:

a) Không còn đáp ứng được đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện của Giám đốc Quỹ theo quy định tại Điều 27 Điều lệ này;

b) Không hoàn thành các nhiệm vụ do Hội đồng quản lý Quỹ giao mà không giải trình được nguyên nhân chính đáng;

c) Vi phạm nghiêm trọng hoặc có hệ thống các nghị quyết, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đến mức bị kỷ luật;

d) Không trung thực trong thực thi các nhiệm vụ, quyền hạn được giao hoặc sử dụng vốn, tài sản của Quỹ, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để tư lợi hoặc làm lợi cho người khác;

đ) Báo cáo không trung thực tình hình hoạt động và tài chính của Quỹ;

e) Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố, bị Tòa án kết án bằng bản án;

g) Xin từ chức và được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản theo đúng trình tự quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ;

h) Khi có quyết định điều chuyển hoặc bố trí công việc khác;

i) Nghi hưu;

j) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm khác theo yêu cầu quản lý của Hội đồng quản lý Quỹ và Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Quy trình, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Giám đốc Quỹ do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật.

Mục 4

PHÓ GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG VÀ BỘ MÁY NGHIỆP VỤ

Điều 29. Phó Giám đốc và Kế toán trưởng

1. Phó Giám đốc và Kế toán trưởng do Giám đốc Quỹ đề nghị Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm.

2. Phó Giám đốc có nhiệm vụ tham mưu giúp Giám đốc trong việc điều hành Quỹ, thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn do Giám đốc giao phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

3. Số lượng Phó Giám đốc Quỹ không quá 03 người.

4. Kế toán trưởng:

a) Kế toán trưởng tổ chức thực hiện công tác kế toán của Quỹ, giúp Hội đồng quản lý và Giám đốc Quỹ giám sát tài chính tại Quỹ theo pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công hoặc ủy quyền; thực hiện các chức năng và nhiệm vụ khác được quy định theo Luật Kế toán và các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan;

b) Kế toán trưởng phải đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Luật Kế toán và pháp luật có liên quan.

5. Phó Giám đốc Quỹ, Kế toán trưởng được bổ nhiệm với thời hạn là 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại. Quy trình, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm

lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Phó Giám đốc và Kế toán trưởng do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật.

Điều 30. Bộ máy nghiệp vụ

1. Các phòng nghiệp vụ của Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể theo đề nghị của Giám đốc Quỹ, có chức năng tham mưu và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng quản lý và Giám đốc Quỹ giao.

2. Số lượng phòng nghiệp vụ thuộc Quỹ không quá 03 phòng.

3. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật lãnh đạo các phòng nghiệp vụ do Giám đốc Quỹ quyết định sau khi có ý kiến của Hội đồng quản lý Quỹ. Quy trình, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật lãnh đạo các phòng nghiệp vụ do Giám đốc Quỹ quyết định theo quy định của pháp luật.

4. Lãnh đạo các phòng nghiệp vụ và người lao động làm nhiệm vụ chuyên môn, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ và trước pháp luật về nhiệm vụ được giao.

Điều 31. Tuyển dụng lao động

Việc tuyển dụng lao động, quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ, lãnh đạo của Quỹ được thực hiện theo quy chế tuyển dụng lao động do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan.

Chương IV CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Điều 32. Chế độ tài chính, kế toán và kiểm toán

1. Chế độ tài chính, kế toán và kiểm toán của Quỹ thực hiện theo quy định do Bộ Tài chính ban hành và quy định tại Điều lệ này.

2. Quỹ tổ chức bộ máy kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán. Hàng năm, báo cáo tài chính của Quỹ phải được kiểm toán bởi một tổ chức kiểm toán độc lập được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

3. Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm.

Chương V XỬ LÝ TRANH CHẤP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ

Điều 33. Xử lý tranh chấp

h2

Mọi tranh chấp giữa Quỹ với pháp nhân và thể nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động của Quỹ được xử lý theo pháp luật hiện hành.

Điều 34. Tổ chức lại, giải thể Quỹ

1. Việc tổ chức lại hoặc giải thể Quỹ do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ.

2. Việc tổ chức lại, sáp nhập, thành lập mới các đơn vị, phòng nghiệp vụ trực thuộc bộ máy quản lý, điều hành của Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định theo đề nghị của Giám đốc Quỹ, trên cơ sở phương thức tổ chức bộ máy quản lý đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Chương VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 35. Điều khoản thi hành

1. Chủ sở hữu, Hội đồng quản lý Quỹ, Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh, các đơn vị và cá nhân có liên quan có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Điều lệ này.

2. Các Quy chế nội bộ của Quỹ phải tuân thủ nguyên tắc, nội dung của Điều lệ này.

3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Quỹ nhưng chưa được quy định tại Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều, khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng để điều chỉnh hoạt động của Quỹ.

4. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các Sở, ngành, đơn vị liên quan có ý kiến gửi về Quỹ để tổng hợp đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Điều lệ này cho phù hợp với quy định pháp luật hiện hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN 
CHỦ TỊCH



Lưu Xuân Vĩnh